

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẢI HẬU
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - T phúc**

Bản án số: 264/2022/HNGĐ-ST
Ngày 16-12-2022
V/v ly hôn, nuôi con chung giữa
chị T và anh K

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Văn Đê;

Ông Đỗ Việt Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Xuyên - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

Ngày 28 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hải Hậu xét xử sơ thẩm công Khai vụ án thụ lý số 232/2022/TLST - HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2022 về việc “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 150/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 89/2022/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1997. Hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố số 17, thị trấn L, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. Nơi ở hiện nay: Xóm 8, xã C, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định (vắng mặt có lý do);

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1993; địa chỉ: Tổ dân phố số 17, thị trấn L, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định (vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 13-9-2022 và bản tự Khai ngày 28-10-2022, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn K kết hôn với nhau ngày 17-11-2020 tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định, trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng với bố mẹ anh K tại tổ dân phố số 17, thị trấn L. Vợ chồng

chung sống hòa thuận đến tháng 5/2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, quan điểm sống khác nhau nên thường xảy ra mâu thuẫn, tranh cãi trong cuộc sống hàng ngày, anh K còn có những lời nói xúc phạm chị T và gia đình nhà ngoại. Ngoài ra, chị T nhận thấy chị không nhận được sự chia sẻ và thông cảm từ phía chồng và gia đình chồng nên cuộc sống chung với gia đình anh K không được hòa hợp. Do đó, chị T đã về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 5/2021, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị T nhận thấy tình cảm của chị đối với anh K không còn nên làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn anh K.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Nguyễn Trúc Anh, sinh ngày 02-9-2021, hiện nay con đang ở cùng chị T và gia đình bên ngoại. Khi ly hôn, chị T có nguyện vọng tiếp tục nhận nuôi con và không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nghĩa vụ tài sản chung: Chị T xác nhận vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn anh Nguyễn Văn K có lời Khai phù hợp với lời Khai của chị T về thời gian vợ chồng kết hôn, chung sống, thời gian sống ly thân. Theo anh K, nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do chị T tính tình ương bướng, không biết ứng xử với gia đình bên chồng nên chung sống không hòa hợp với gia đình anh K, từ đó mới xảy ra mâu thuẫn chứ bản thân vợ chồng không có gì mâu thuẫn với nhau. Từ đó, chị T đã tự ý bỏ về nhà ngoại ở từ tháng 5/2021, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, anh K đã liên hệ với chị T nhiều lần để khuyên bảo chị quay về đoàn tụ nhưng chị không nhất trí. Nay chị T làm đơn xin ly hôn, anh K không nhất trí ly hôn mà muốn vợ chồng đoàn tụ.

Về con chung: Anh K có lời Khai thống nhất với chị T về con chung. Hiện nay con đang ở cùng chị T và gia đình bên ngoại. Nay anh K không nhất trí ly hôn nhưng trường hợp chị T vẫn cương quyết xin ly hôn thì anh nhất trí để con cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con mà sẽ tự nguyện cho con khi nào có điều kiện.

Về tài sản và nghĩa vụ tài sản chung: Anh K cũng xác nhận vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Văn K đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt hai lần không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị T, anh K là phù hợp với quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn K là quan hệ hôn nhân hợp pháp vì được xây dựng trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định đăng ký kết hôn ngày 17-11-2020. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận đến tháng 5/2021 thì phát sinh và sống ly thân từ đó cho đến nay.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T đối với anh Nguyễn Văn K thì thấy: Mặc dù anh K không nhất trí ly hôn nhưng xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh K là xuất phát từ tính cách, quan điểm sống của hai người không hợp, không có tiếng nói chung nên thường xảy ra mâu thuẫn. Mặt khác, theo anh K thì do chị T không biết ứng xử nên sống không hòa hợp với gia đình anh K. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, bản thân chị T, anh K đều không có biện pháp, hành động thiết thực nhằm hàn gắn tình cảm nên vợ chồng ngày càng xa cách. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh K là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] *Về con chung*: Vợ chồng có một con chung là Nguyễn Trúc Anh, sinh ngày 02-9-2021, hiện nay con đang ở cùng chị T. Khi ly hôn, chị T đề nghị tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con, anh K nhất trí. Xét điều kiện hoàn cảnh hai bên hiện nay và ý khai của chị T, anh K thì thấy: Từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay, con chung do chị T trực tiếp nuôi dưỡng, quá trình giải quyết vụ án, anh K cũng nhận thấy do con còn nhỏ nên anh nhất trí để chị T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Do đó, cần chấp nhận đề nghị xin được nuôi con chung, tiếp tục giao cháu Nguyễn Trúc Anh cho chị T nuôi dưỡng và không buộc anh K cấp dưỡng nuôi con cho chị T là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] *Về tài sản và nghĩa vụ tài sản chung*: Chị T, anh K xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Chị Nguyễn Thị T phải nộp tiền án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1, khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn K.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Trúc Anh, sinh ngày 02-9-2021 cho chị Nguyễn Thị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn K không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị T. Hai bên có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung.(Hiện nay cháu Anh đang ở với chị T).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai số 0006396 ngày 28-10-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu. Chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lưu Văn Đê Đỗ Việt Hùng

Nguyễn Thị Hằng

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND thị trấn L;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hằng